TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 883/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn giữa
bà A và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Lý
Bà Lê Thị Ngọc Yến
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1650/2020/HNST ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXX- HN ngày 23 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2020/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Vũ Thụy Mai A, sinh năm 1977
Địa chỉ : Số 10 Đường Trương Thị M, ấp 4, xã Bình N, huyện C, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn : Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1976
Địa chỉ : Số 16 đường L, Phường 15, quận G, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2019; bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Vũ Thụy Mai A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, quận G, Thành phố H ngày 10/10/2009 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số:149. Hạnh phúc gia đình không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình tình không hòa hợp và đặc biệt là cách dậy con cái. Bà A đã hai lần sống ly thân với ông T. Lần thứ nhất sống ly thân từ năm 2014 đến năm 2016. Lần thứ hai từ năm 2017 cho đến nay. Thực sự bà A không có tình cảm vợ chồng với ông T từ lâu, nhưng vì con nên

vẫn chưa ly hôn. Bà thấy nếu tiếp tục hôn nhân thì bản thân bà bị ức chế mà còn tội nghiệp cho con nhỏ. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn An N, sinh ngày 24/3/2011. bà yêu cầu nuôi dưỡng trẻ N đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A tự khai không có.

Ngày 11/3/2020, bà Vũ Thụy Mai A làm đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh, tống đạt hợp lệ giấy triệu tập lấy lời khai và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T đến Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không đến Tòa án; nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà A có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn bảo lưu ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà A được con chung tên Nguyễn An N, sinh ngày 24/3/2011 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A tự khai không có.

Ông Nguyễn Tấn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thụy Mai A ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Bà A và ông T có 01 con chung tên Nguyễn An N, sinh ngày 24/3/2011. Bà A trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ N mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A tự khai không có nên không xem xét. Bà A phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thụy Mai A nộp đơn ly hôn ông Nguyễn Tấn T đang cư ngụ tại địa chỉ Số 16 đường L, Phường 15, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Tấn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 14/7/2020, bà A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc đột xuất không thể tham gia phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số:149 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận G, Thành phố H cấp cho bà A và ông T ngày 10 tháng 10 năm 2009. Đây là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thụy Mai A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại bản tự khai ngày 08/01/2020, bà A yêu cầu ly hôn với ông T vì bà cho rằng hạnh phúc gia đình không hòa thuận, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình giữa bà và ông T không hòa hợp, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó bà A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo đơn trình bày của Bà A thì quá trình chung sống của vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân quận G cùng Tổ trưởng dân phố 25, Phường 9, quận B: " *Bà A và ông T có thuê phòng trọ tại địa chỉ 29/5D/99 đường K, phường 9, quận B, Thành phố H từ đầu năm 2018 đến khoảng cuối năm 2019 thì Bà A trả phòng trọ. Thời gian ở thuê tại địa chỉ này ông T và Bà A thường xuyên gây gỗ với nhau và khoảng thời gian mấy tháng cuối năm 2019 ông T bỏ đi nên chỉ có Bà A và con gái ở địa chỉ trên cho đến khi Bà A trả phòng*".

Căn cứ Quyết định đình chỉ số:1634/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2019. Thể hiện năm 2019 bà đã nộp đơn ly hôn ông T đến Tòa án nhân

dân quận G nhưng sau đó bà đã rút đơn ly hôn, để cho ông T một cơ hội nhưng mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân không thay đổi.

Từ các căn cứ trên thể hiện bà A và ông T đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được và cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Xét thấy bà A kiên quyết ly hôn; trong khi ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, điều đó chứng tỏ ông T không có những hành động, thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Việc tồn tại hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm yêu thương, gần gũi, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, trong khi quan hệ vợ chồng đã rơi vào tình trạng đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì "*Tòa án giải quyết cho ly hôn ...nếu có căn cứ về việc vợ chồng có vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ...mục đích hôn nhân không đạt được...*" Nên yêu cầu xin ly hôn của bà A là có căn cứ, được chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu của bà A về việc xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Căn cứ vào lời khai của bà A, đồng thời căn cứ vào giấy khai sinh số: 221, quyển số: 03/2011 ngày 30/5/2011 của Ủy ban nhân dân Phường 16, quận G, Thành phố H xác định ông T và bà A có 01 (một) con chung tên: Nguyễn An N, sinh ngày 24/3/2011. bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện nuôi con của bà A: Căn cứ vào Giấy xác nhận lương của Công ty Cổ phần Bất Động Sản A&B hiện bà A có mức lương là 20.000.000 đồng/ tháng. Thể hiện bà A có công việc, có thu nhập tốt, đủ đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt cho trẻ N. Hiện nay, bà A cũng đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cùng với sự hỗ trợ từ cha mẹ ruột.

Hiện nay bà A có chỗ ở hợp pháp tại nhà của cha đẻ ông Vũ Đình S, địa chỉ Số 10 Đường Trương Thị M, ấp 4, xã Bình N, huyện C, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1146/QSDĐ/CQ do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố H cấp ngày 29/9/1999 và thay đổi cập nhật cho ông S ngày 03/12/2012.

Căn cứ vào bản tự khai ngày 11/03/2020 của trẻ Nguyễn An N mong muốn được ở với bà A . Ngoài ra, xét về độ tuổi của trẻ N vẫn còn nhỏ; là bé gái nên trẻ cần sự chăm sóc, quan tâm của người mẹ hơn vì người phụ nữ chăm sóc con vẫn chu đáo hơn người đàn ông.

Từ những phân tích trên, xét một cách toàn diện thì Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao trẻ N cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có cơ sở và phù hợp với các quy định tại tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3.Về việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn khởi kiện bà A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 11/3/2020, bà A làm đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Xét việc bà A rút một phần yêu cầu này là tự nguyện không trái pháp luật. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà A yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi trẻ N mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Do bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T, cho đến khi bà A có yêu cầu.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 08/01/2020 bà A tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông T không đến Tòa án để ghi lời khai của ông về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó sau này nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, ông T sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3]. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà A phải chịu theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0025178 ngày 06/12/2020. Do đó bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận G, Thành phố H tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Bà Vũ Thụy Mai A được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số số:149 do Uỷ ban nhân dân Phường 15, Quận G, Thành phố H cấp cho bà Vũ Thụy Mai A và ông Nguyễn Tấn T ngày 10 tháng 10 năm 2009 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn An N, sinh ngày 24/3/2011 cho bà Vũ Thụy Mai A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Tấn T cho đến khi bà A có yêu cầu.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của ông T.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bà A buộc ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn An N mỗi tháng 5.000.000 đồng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà A tự khai không có, nên Toà án không xem xét trong vụ án này.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Vũ Thị Mai A phải chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0025178 ngày 06/12/2019. Do đó bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.H ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G;
- Chi cục THADS quận VG
- Ủy ban nhân dân Phường 15, Q.G
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)